

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/DS-PT

Ngày: 07-3-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đường Hạc Vương Dung - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại Hội trường 5 trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2024/QĐ-PT ngày 12/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 89/2024/QĐ-PT ngày 01/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 114/2024/QĐ-PT ngày 27/02/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Cao Mạnh H, sinh năm 1976 và bà Trần Hồng T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: tổ B, khu phố A, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Cao Hương G, sinh năm 1969.

Địa chỉ: khu phố N, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 15/02/2023 và ngày 06/3/2023)

Người đại diện theo ủy quyền của bà G: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979. (Văn bản ủy quyền ngày 21/02/2023 và ngày 07/3/2023)

Địa chỉ: khu phố M, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: đường D, khu phố M, phường L, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Bà Trương Hồng Đ, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ cư trú hiện tại: hẻm VLXD H, khu phố B, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Cao Hương G, sinh năm 1969.

Địa chỉ: khu phố N, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Cao Mạnh H và bà Trần Hồng T; bị đơn Trương Hồng Đ.

(Ông T và bà Đ có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Cao Mạnh H, bà Trần Hồng T có người đại diện là ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Chị gái ông Cao Mạnh H là bà Cao Hương G có tình cờ quen biết với bà Trương Hồng Đ trong thời gian bà Đ chấp hành hình phạt tù. Đến năm 2019, sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bà Đ liên lạc và nhờ bà G giúp đỡ. Theo bà Đ kể thì trước khi bị bắt, bà Đ có đưa tiền cho em gái là bà Trương Hồng V để nhờ bà V mua và đứng tên hộ một căn hộ chung cư diện tích 8mx20m, ước tính giá hiện nay khoảng 6 tỷ đồng. Sau khi ra tù, bà Đ nhiều lần yêu cầu bà V trả căn hộ cho mình, tuy nhiên bà V yêu cầu bà Đ phải đưa 1.800.000.000 đồng thì bà V sẽ chuyển trả lại căn hộ cho bà Đ. Ngoài ra, bà Đ còn kể khi đi tù bà đưa tiền cho một người chị ruột và người em ruột khác để mua và đứng tên hộ 01 căn chung cư tương tự, giá trị căn hộ này hiện tại ước tính khoảng 6,5 tỷ đồng. Người chị ruột này và em ruột này của bà Đ cũng yêu cầu bà Đ phải đưa họ 3,5 tỷ đồng thì sẽ chuyển nhượng lại căn hộ cho bà Đ. Do vừa ra tù, kinh tế còn khó khăn nên bà Đ nhờ chị gái ông H là bà Cao Hương G vay mượn giúp bà 2.000.000.000 đồng để lấy lại quyền sở hữu căn hộ từ bà Trương Hồng V. Tin lời bà Đ nên bà G nhờ ông H vay tiền từ Ngân hàng cho bà Đ mượn số tiền trên. Ông H vì tin tưởng chị gái nên đã vay Ngân hàng số tiền 2.000.000.000 đồng và cho bà Đ vay trong thời hạn 03 tháng (từ ngày 27/7/2022 đến ngày 27/10/2022), lãi suất 2%, bà Đ có ký giấy biên nhận. Ông H đã chuyển số tiền này cho bà G để bà G trực tiếp chuyển khoản vào tài khoản của bà Đ. Cụ thể bà G đã chuyển khoản cho bà Đ ngày 17/7/2022 số tiền 499.999.999đ làm tròn 500.000.000đ; ngày 28/7/2022 chuyển 02 lần tổng số tiền 550.000.000đ (300.000.000đ, 250.000.000đ) từ tài khoản NAM A BANK của bà G; ngày 28/7/2022 chuyển 02 lần tổng cộng số tiền làm tròn 950.000.000đ (499.999.999đ, 450.000.000đ) từ tài khoản ACB của

bà G. Bà Đ đã đóng được 05 tháng tiền lãi, tổng cộng là 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển vào tài khoản của bà G tại Ngân hàng, cụ thể: ngày 27/10/2022 chuyển khoản 120.000.000 đồng - Đ chuyển lãi của H 03 tháng; ngày 27/11/2022 chuyển khoản 40.000.000 đồng - Đ chuyển trả lãi cho H; ngày 28/12/2022 chuyển khoản 40.000.000 đồng - Đ chuyển đóng lãi cho H.

Đến nay đã quá hạn nhưng bà Đ không trả cho ông H số tiền trên.

Ngoài ra, trước đó vào ngày 22/5/2022 giữa bà Trần Hồng T (vợ ông H) và bà Trương Hồng Đ có lập “Giấy cam kết (thay cho giấy vay tiền)” nội dung bà T cho bà Đ vay số tiền 1.500.000.000 đồng, mục đích hỗ trợ cho bà Đ trong vụ án dân sự tranh chấp lô đất số 276, số tờ 21 tọa lạc tại xã K, huyện T, tỉnh Đồng Nai với bà K, bà T với các cam kết: nếu thỏa thuận thành công với bà T và được bồi thường bằng tiền thì bên A (bà Đ) phải trả cho bên B (bà T) số tiền 1,5 tỷ đồng đã vay, số tiền bồi thường sẽ được chia đôi cho bên A và bên B; Nếu bên A thắng kiện và được Tòa án xử giao trả lô đất nói trên thì bên A trả cho bên B số tiền 1,5 tỷ đồng đã vay, đồng thời bên A phải ký chuyển nhượng lô đất trên cho bên B với giá 6 tỷ đồng, số tiền 6 tỷ đồng được chia đôi cho bên A và bên B...

Thực tế sau này ông H, bà T được biết bà Đ nói dối để vay của vợ chồng ông số tiền 1,5 tỷ đồng, còn lô đất tranh chấp bà Đ đã nhận tiền từ lâu.

Qua thu thập một số chứng cứ, ông H và bà T nhận thấy thỏa thuận tại “Giấy cam kết (thay cho giấy vay tiền)” ngày 22/5/2022 là không phù hợp quy định pháp luật và không thể thực hiện được, vì: diện tích đất tại thửa 276, tờ bản đồ số 21 xã K và tài sản gắn liền với đất đã được vợ chồng bà Đ bán cho bà Huỳnh Thị K và đã được giải quyết bằng bản án hình sự phúc thẩm số 470/2008/HS-ST ngày 13/5/2008 của Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao buộc “...bà Đ, ông N và bà K tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán nhà, đất...bà K được quyền liên hệ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiếp tục thực hiện việc mua bán...”. Bản án đã có hiệu lực pháp luật, bà K đã hoàn tất thủ tục mua bán, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã sang tên cho người khác. Trường hợp này bà Đức kiện đòi lại phần nhà, đất này thì theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án phải trả lại đơn khởi kiện.

Hiện nay bà Đ đang khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Quốc H, bà Huỳnh Thị K đối với thửa đất số 276 tờ bản đồ 21...yêu cầu của bà Đ, ông N đã được thụ lý vụ án hành chính theo thông báo số 12 ngày 24/02/2023. Tuy nhiên, việc Tòa án thụ lý vụ án hành chính thì trong phạm vi, thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính, Tòa án cũng chỉ xem xét về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính, không có thẩm quyền giải quyết lại hợp đồng mua bán nhà, đất giữa bà Đ và bà K.

Ông H, bà T nhận thấy nội dung thỏa thuận tại cam kết ngày 22/5/2022 là không phù hợp với quy định pháp luật do đối tượng trong thỏa thuận này là thửa đất số 276, tờ bản đồ 21 xã K, huyện T (hoặc giá trị của thửa đất này) đều không thể thực hiện được, thỏa thuận này là vô hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 408 Bộ luật dân sự ngay từ khi thỏa thuận.

Ông H, bà T không có tranh chấp gì với bà G, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông H, bà T không có tranh chấp gì với ông Trần Văn N, ông N hoàn toàn không liên quan trong vụ án này.

Theo bảng kê giao dịch tài khoản Cao Hương G (số tài khoản 345678...) tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Á Châu thể hiện bà G chuyển khoản cho bà Đ cụ thể:

+ Ngày 04/5/2022 chuyển khoản số tiền 330.000.000 đồng (nội dung G ck Hồng Đ).

+ Ngày 11/5/2022 chuyển khoản số tiền 350.000.000 đồng (nội dung G ck Đ).

+ Ngày 12/5/2022 Đ trả lại G số tiền 200.000.000 đồng (nội dung Đ chuyển).

+ Ngày 13/5/2022 chuyển khoản số tiền 14.000.000 đồng (nội dung G ck Đ).

+ Ngày 16/5/2022 chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng (nội dung G ck Đ).

+ Ngày 16/5/2022 chuyển khoản số tiền 1.500.000 đồng (nội dung G ck Đ).

+ Ngày 16/5/2022 chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng (nội dung G ck Đ).

+ Ngày 18/5/2022 chuyển khoản số tiền 139.000.000 đồng (nội dung G ck Đ).

+ Ngày 23/5/2022 chuyển khoản số tiền 350.000.000 đồng (nội dung G ck Đ hợp đồng với T).

Tổng cộng số tiền chuyển khoản là 1.334.500.000 đồng. $(330.000.000 + 350.000.000 + 14.000.000 + 100.000.000 + 1.500.000 + 50.000.000 + 139.000.000 + 350.000.000 = 1.334.500.000)$

Ngày 12/5/2022 bà Đ trả lại G số tiền 200.000.000 đồng: $1.334.500.000 - 200.000.000đ = 1.134.500.000đ$

Ngày 17/5/2022 bà G đưa bà Đ 02 lần tiền mặt tổng số tiền là 365.500.000 đồng tiền mặt do bà Đ nhận.

Như vậy bà G đã giao cho bà Đ tổng số tiền 1.500.000.000 đồng.

Nguyên đơn không đồng ý các khoản sao kê mà bà Đ cung cấp cho Toà án với lý do sau:

Tại biên bản làm việc ngày 05/4/2023 bà Đ thừa nhận còn nợ ông H số tiền 2.000.000.000 đồng nợ gốc và xác nhận khi nào có sẽ trả, còn phần 1.500.000.000 đồng khi nào Toà án tỉnh giải quyết xong vụ án sẽ thanh toán.

Các sao kê của bà Đ cung cấp cho Tòa án không phù hợp vì ngày ký vay số tiền 2.000.000.000 đồng là ngày 27/7/2022 trong khi các khoản trả mà bà Đ cung cấp là trước thời điểm vay tiền, như vậy chưa vay đã trả là không phù hợp.

Các khoản bà Đ chuyển trả cho bà G sau khi ký giấy vay đều ghi rõ nội dung là chuyển trả G chứ không phải chuyển trả cho khoản vay của ông H, bà T. Trong khi các khoản đóng lãi cho ông H ghi rõ nội dung chuyển trả lãi cho H. Vì vậy, các khoản sao kê là giao dịch giữa bà Đ và bà G, hoàn toàn không liên quan đến ông H, bà T vì giữa bà G và bà Đ có rất nhiều thỏa thuận vay nợ với nhau nên thể hiện trong sao kê thể hiện là “Đ trả khoản vay của G”.

Nay ông H, bà T yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Hồng Đ phải trả cho vợ chồng ông H số tiền vay gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) ký giấy vay với ông Cao Mạnh H ngày 27/7/2022 và lãi suất theo quy định pháp luật 20%/năm từ ngày 27/7/2022 đến ngày xét xử vụ án. Nguyên đơn đồng ý trừ đi tiền lãi mà bà Đ đã trả là 200.000.000 đồng.

Yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với toàn bộ nội dung thỏa thuận tại Giấy cam kết (thay cho giấy vay tiền) ghi ngày 22/5/2022 giữa bà Trương Hồng Đ với bà Trần Hồng T. Buộc bà Đ trả số tiền gốc 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 22/5/2022 tạm tính đến ngày 22/6/2023 là 161.666.667 đồng. Ông H, bà T chỉ yêu cầu một mình bà Đ trả nợ.

Bị đơn bà Trương Hồng Đ trình bày:

Bà thừa nhận ngày 27/7/2022 có ký giấy vay tiền của ông Cao Mạnh H, vay 2 tỷ đồng (bà G là người chuyển khoản cho bà, bà G là chị của ông H), thời hạn 03 tháng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng.

Bà Đ không nhận tiền trực tiếp hay nhận chuyển khoản số tiền 2 tỷ đồng từ ông Cao Mạnh H, mục đích bà ký biên nhận ngày 27/7/2022 là để ông H tin là bà Đ có nhận số tiền này vì trước khi bà và bà G xảy ra tranh chấp đã làm ăn chung với nhau, từng chuyển tiền qua lại, do tin tưởng nhau nên không cần phải ghi nội dung chuyển tiền cho nhau.

Nay ông H, bà T yêu cầu bà phải trả nợ gốc 2 tỷ và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 28/12/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án, bà không đồng ý vì mặc dù bà ký giấy vay tiền ông H nhưng bà nhận tiền từ bà G chứ không nhận trực tiếp từ ông H, bà T. Sau đó bà đã chuyển trả cho bà G số tiền cụ thể:

Ngày 19/4/2022 chuyển 500.000.000 đồng (Đ chuyển trả lại tiền hôm bữa mượn 300.000.000 đồng), trong đó bà trả nợ 300.000.000 đồng cho bà G và cho bà G mượn số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 29/4/2022 chuyển 310.000.000 đồng (Đ chuyển chị trả tiền bữa em mượn giùm).

Ngày 12/5/2022 chuyển 200.000.000 đồng (Đ chuyển) đây là số tiền bà cho bà G mượn.

Ngày 24/5/2022 chuyển 5.000.000 đồng (không nhớ cụ thể là tiền gì).

Ngày 13/6/2022 chuyển 600.000.000 đồng (Đ chuyển) nhưng thực tế là chuyển cho bà G mượn.

Ngày 15/6/2022 chuyển 50.000.000 đồng (Đ chuyển cho G mượn).

Ngày 18/6/2022 chuyển 20.000.000 đồng (Đ chuyển) đây là số tiền cho bà G mượn.

Ngày 22/6/2022 chuyển 174.000.000 đồng (Đ chuyển) đây là tiền cho bà G mượn.

Ngày 01/7/2022 chuyển 900.000.000 đồng (Đ chuyển) đây là tiền cho bà G mượn.

Ngày 06/7/2022 chuyển 7.000.000 đồng (Đ chuyển) đây là tiền cho bà G mượn.

Ngày 07/9/2022 chuyển 30.000.000 đồng (Đ chuyển) đây là tiền cho bà G mượn.

Ngày 20/9/2022 chuyển 300.000.000 đồng (Đ chuyển trả G) đây là trả cho số tiền vay 2.000.000.000 đồng.

Ngày 05/10/2022 chuyển 600.000.000 đồng (Đ chuyển trả G) đây là số tiền chuyển trả cho tiền vay 2.000.000.000 đồng.

Tổng cộng bà đã chuyển cho bà G là 3.696.000.000 đồng, trong đó trừ ra 610.000.000 đồng là bà trả nợ riêng cho bà G còn lại 3.086.000.000 đồng.

Nay bà đề nghị trừ số tiền 3.086.000.000 đồng đã chuyển cho bà G vào số tiền gốc bà vay 2.000.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với số tiền vay 1,5 tỷ đồng thì liên quan đến vụ án mà bà đang tranh chấp với bà Huỳnh Thị K (vụ án hành chính này Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đang giải quyết). Thực tế thì bà có ký giấy và ghi “đã nhận đủ tiền” nhưng bà ghi nội dung này là theo đề nghị của bà G, do tin tưởng bà G. Mục đích ký là để bà G có thể mượn tiền của bà T và để bà Đ mượn 350.000.000 đồng làm chi phí đi lại kiện vụ án liên quan đến căn nhà và diện tích đất 583m² thuộc thửa đất số 615, 616 tờ bản đồ 10 (nay là thửa 276 tờ bản đồ 21 xã K, huyện T, tỉnh Đồng Nai). Bà ký với bà G chứ không ký giấy trước mặt bà T, cũng không có ông Nguyễn Tuấn S (người làm chứng II) chứng kiến như ông S trình bày.

Số tiền 1,5 tỷ trong giấy vay ngày 22/5/2022 thì bà chỉ nhận 350.000.000 đồng (do bà G chuyển khoản), phần còn lại bà G nhận chuyển khoản từ ông H và bà G sử dụng nên nay bà chỉ đồng ý trả số tiền 350.000.000 đồng, phần còn lại bà G phải trả cho ông H.

Nguyên đơn khai bà G chuyển khoản cho bà vào tài khoản trong các ngày: 04/5/2022 số tiền 330.000.000 đồng - G ck Hồng Đ; ngày 11/5/2022 số tiền 350.000.000 đồng - G ck Đ; ngày 13/5/2022 số tiền 14.000.000 đồng - G ck Đ; ngày 13/5/2022 số tiền 100.000.000 đồng - G ck Đ; ngày 16/5/2022 số tiền 1.500.000 đồng - G ck Đ; ngày 16/5/2022 số tiền 50.000.000 đồng - G ck Đ;

ngày 18/5/2022 số tiền 139.000.000 đồng - G ck Đ; ngày 23/5/2022 số tiền 350.000.000 - G ck Đ hợp đồng với T. Và việc đại diện nguyên đơn khai bà nhận tiền mặt 365.500.000 đồng từ bà G là không đúng, bà không nhận số tiền này. Các lần bà G chuyển tiền cho bà từ ngày 04/5/2022 đến ngày 22/5/2022 (như anh T trình bày nêu trên) hoàn toàn không liên quan đến giấy cam kết ngày 22/5/2022.

Bà G chỉ chuyển khoản cho bà số tiền 350.000.000 đồng vào ngày 23/5/2022 (với nội dung G ck Đ hợp đồng với T) là đúng.

Tại sao khi bà Đ chuyển tiền cho bà G không ghi rõ nội dung chuyển cho khoản tiền cụ thể nào thì nguyên đơn không chấp nhận; còn bà G chuyển khoản cho bà các lần nêu trên cũng chỉ 01 lần ghi rõ nội dung chuyển hợp đồng với T, những lần khác không ghi rõ nội dung thì nguyên đơn lại yêu cầu bà Đ chấp nhận đó là chuyển cho khoản vay 1,5 tỷ đồng.

Trước Tòa, bà xác định khoản vay 2 tỷ từ ông H, bà đã trả xong (bằng hình thức chuyển khoản cho bà G), lý do tại sao đã chuyển trả nợ xong mà còn chuyển khoản đóng lãi vào các ngày 27/10/2022; 27/11/2022 và 28/12/2022 là do bà G yêu cầu bà Đ chuyển khoản để tạo lòng tin với ông H.

Bà Đ vay số tiền 350.000.000 đồng là để vợ chồng (Trương Hồng Đ, Trần Văn N) đi kiện vụ án liên quan đến thửa đất số 276, tờ bản đồ 21 xã K, vậy ông N có liên quan trực tiếp đến số tiền 350.000.000 đồng, theo quy định pháp luật có phải đưa ông N (chồng bà Đ) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không.

Nay ông H, bà T yêu cầu hủy “Giấy cam kết (thay cho giấy vay tiền)” ngày 22/5/2022, bà Đ đồng ý. Tuy nhiên bà Đ không đồng ý trả lãi cho số tiền 350.000.000 đồng này vì vụ án tranh chấp với bà K vẫn chưa giải quyết xong, bà T yêu cầu hủy giấy cam kết nên lỗi hoàn toàn thuộc về bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Hương G trình bày tại hồ sơ:

Bà là chị ruột của anh Cao Mạnh H, chị T là em dâu của bà. Bà và bà Đ có quen biết. Bà Đ nói đang gặp khó khăn và nhờ bà giúp đỡ, bà có nói nếu mượn tiền thời gian ngắn thì bà mới nói với anh H được. Bà Đ nói em gái là Trương Hồng V- người đứng tên căn nhà đang vay ngân hàng nên phải giải chấp, lấy sổ ra để sang tên lại cho bà Đ. Do vậy bà chuyển khoản cho bà Đ tổng số tiền 2.000.000.000 đồng.

Số tiền 2.000.000.000 đồng là của anh Cao Mạnh H (bà chuyển khoản cho bà Đ trong 02 ngày, sau đó 01 tuần bà Đ mới ký giấy vay đề ngày 27/7/2022 với anh H). Nay bà yêu cầu bà Đ trả trả số tiền 2.000.000.000 đồng cho anh H.

Đối với số tiền 1,5 tỷ đồng thì bà Đ nói đang có tranh chấp với bà T hay bà K gì đó, do bà Đ không có tiền trong khi đang tranh chấp mấy vụ án nên mới lập ra thỏa thuận ngày 22/5/2022, trong đó bà ký tên là người làm chứng 1. Nay bà Đ có trách nhiệm trả cho chị T số tiền này.

Bà không tranh chấp gì với anh H, chị T, cũng không tranh chấp gì với bà Đ. Do bận việc nên bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 10/4/2023 của Tòa án nhân huyện Nhơn Trạch đã căn cứ khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 68, 147, 157, 161, 227, 228, 244, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 131, 408, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Mạnh H, bà Trần Hồng T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu” đối với bà Trương Hồng Đ.

1. Tuyên bố toàn bộ nội dung thỏa thuận tại Giấy cam kết (thay cho giấy vay tiền) ngày 22/5/2022 giữa bà Trương Hồng Đ với bà Trần Hồng T vô hiệu.

2. Xử: Buộc bà Trương Hồng Đ phải trả cho ông Cao Mạnh H, bà Trần Hồng T tổng số tiền 3.756.661.000 đồng (ba tỷ, bảy trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T về việc tính lãi 223.342.000 đồng đối với số tiền 1.500.000.000 đồng theo thỏa thuận ngày 22/5/2022.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/10/2023 nguyên đơn ông Cao Mạnh H và bà Trần Hồng T kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Hồng Đ trả lãi cho vợ chồng ông, bà số tiền gốc là 1.500.000.000đ mà bà Đ đã ký thỏa thuận với bà Trần Hồng T ngày 22/5/2022. Buộc bà Đ trả số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/ năm kể từ ngày 22/5/2022.

Ngày 29/9/2023 bị đơn Trương Hồng Đ kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 22/02/2024 Tòa án nhận đơn trình bày và đề nghị là kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu giải quyết sẽ đưa chi tiết tại phiên tòa xét xử phúc thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ luật tố tụng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Tại bút lục 85 có nội dung: Hôm nay ngày 27/7/2022 tôi tên Trương Hồng Đ có vay của em Cao Mạnh H số tiền 2 tỷ chẵn, thời gian 3 tháng tính từ ngày nhận tiền 27/7/2022. Phía dưới có chữ ký của bà Trương Hồng Đ. Mặc dù biên nhận không ghi lãi suất nhưng bà Đ và ông H đều thừa nhận lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng.

Bà Đ không đồng ý trả cho ông H, bà T 2 tỷ đồng vì mặc dù bà ký giấy vay tiền ông H nhưng bà nhận tiền từ bà G chứ không nhận trực tiếp từ ông H, bà T. Sau đó bà đã chuyển trả cho bà G 3.696.000.000 đồng vào các ngày 19/4/2022, 29/4/2022, 12/5/2022, 24/5/2022, 13/6/2022, 15/6/2022, 18/6/2022, 22/6/2022, 01/7/2022, 06/7/2022, 07/9/2022, 20/9/2022, 05/10/2022, trong đó trừ ra 610.000.000 đồng là bà trả nợ riêng cho bà G còn lại 3.086.000.000 đồng bà trả số tiền gốc bà vay 2.000.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, lời khai của bà Đ không được đại diện nguyên đơn và bà G thừa nhận. Nguyên đơn chỉ thừa nhận đã nhận từ bà Đ số tiền lãi 200.000.000 đồng (được bà Đ chuyển khoản cho bà G vào tài khoản tại Ngân hàng SHB các ngày: 27/10/2022 chuyển khoản 120.000.000 đồng-D chuyển tiền lai của ha 03 thang 120 triệu; 27/11/2022 chuyển khoản trả 40.000.000 đồng- D chuyển dòng lai cho ha; 27/12/2022 số tiền 40.000.000 đồng- D chuyển gửi tiền cho ha). Lời khai của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và sao kê tài khoản ngân hàng do bà G và bà Đ cung cấp.

Việc bà Đ khai bà chuyển khoản cho bà G nhiều lần, mỗi lần chuyển bà Đ ghi rõ mục đích chuyển tiền và các lần bà Đ chuyển khoản thì trong đó chỉ có 03 lần ghi rõ nội dung liên quan đến việc đóng lãi cho khoản tiền vay của ông H, những lần còn lại là chuyển cho bà G vay hoặc trả tiền cho bà G. Mặt khác, số lần chuyển tiền trong thời gian từ ngày 19/4/2022 đến ngày 06/7/2022 là trước thời điểm ký biên nhận ngày 22/7/2022 nên không có căn cứ chấp nhận là bà Đ chuyển trả cho khoản vay 2 tỷ đồng. Các lần chuyển tiền ngày 07/9/2022, 20/9/2022 và 05/10/2022 cũng không chứng minh được là chuyển trả cho khoản vay 2 tỷ đồng, bởi lẽ sau đó vào các ngày 27/10/2022; 27/11/2022 và 28/12/2022 bà Đ vẫn tiếp tục chuyển khoản cho bà G với nội dung chuyển lãi của H, số tiền lãi này phù hợp khoản lãi thỏa thuận giữa các bên là 2%/tháng.

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại số tiền gốc 2 tỷ đồng và 256.661.000 đồng tiền lãi.

- Đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với toàn bộ nội dung thỏa thuận tại Giấy cam kết (thay cho giấy vay tiền) ghi ngày 22/5/2022 giữa bà Trương Hồng Đ với bà Trần Hồng T. Buộc bà Đ trả số tiền gốc 1.500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 22/5/2022 tạm tính đến ngày 22/6/2023 là 161.666.667 đồng.

Xét giấy cam kết (thay cho giấy vay tiền) ngày 22/5/2022 (BL86) giữa bà Đ và bà T nhận thấy bà T cho bà Đ vay 1,5 tỷ đồng để hỗ trợ bà Đ trong vụ án dân sự giải quyết tranh chấp thừa đất số 276, tờ bản đồ 21 tọa lạc tại xã K, huyện T, tỉnh Đồng Nai với bà K; các bên cam kết cụ thể đối với trường hợp thỏa thuận thành công với bà T; trong trường hợp thắng kiện bà K thì bên bà T sẽ được nhận một số quyền lợi.

Tài sản mà các bên thỏa thuận đã được giải quyết bằng bản án hình sự phúc thẩm số 470/2008/HS-ST ngày 13/5/2008 của Tòa phúc thẩm- Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Tại bản án nêu trên đã quyết định: *“...Các bên mua bán bà Huỳnh Thị K và 02 vợ chồng Trương Hồng Đ, Trần Văn N tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán... Bà K được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiếp tục thực hiện việc mua bán theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.”*. Bản án hình sự phúc thẩm đã phát sinh hiệu lực pháp luật, tranh chấp dân sự liên quan đến nhà đất tại thửa 276, tờ bản đồ 21 xã K đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 10/8/2018, bà Huỳnh Thị K và ông Lê Quốc H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 301m² thửa 276 tờ bản đồ 21 xã K. Đến năm 2021 bà K, ông H chuyển nhượng lại diện tích đất nêu trên cho bà Mai Hà T.

Ngày 20/9/2022 bà Đ, ông N khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu: *Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 171939 diện tích 301m² thửa số 276 tờ bản đồ 21 xã K, huyện T, tỉnh Đồng Nai do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Lê Quốc H, bà Huỳnh Thị K ngày 10/8/2008 (đã chính lý sang tên cho bà Mai Hà T ngày 24/4/2021)...* Trong phạm vi, thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính, Tòa án chỉ xem xét về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính, không có thẩm quyền giải quyết lại tranh chấp hợp đồng mua bán nhà đất giữa bà Đ, ông N với bà K.

Như vậy, tranh chấp thừa đất mà các bên thỏa thuận trong bản cam kết trước đó đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật do đó việc bà Đ vay tiền để giải quyết tranh chấp và các thỏa thuận kèm theo đều vô hiệu do đó trong bản cam kết bà Đ xác nhận đã nhận đủ tiền nên phải trả lại cho ông H bà T 1,5 tỷ là có căn cứ chấp nhận.

- Đối với yêu cầu tính lãi của số tiền 1,5 tỷ của ông H, bà T nhận thấy: việc ông H, bà T cho bà Đ vay tiền là nhằm giải quyết tranh chấp vụ án dân sự nhằm chia lợi nhuận, trong thỏa thuận cũng không thể hiện việc các bên có thỏa thuận tiền lãi. Hơn nữa cam kết vô hiệu cũng chưa gây thiệt hại do đó không có căn cứ để tính lãi.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trương Hồng Đ; nguyên đơn ông Cao Mạnh H, bà Trần Hồng T, áp dụng Khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Cao Mạnh H và bà Trần Hồng T, bị đơn Trương Hồng Đ kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được chấp nhận theo thủ tục phúc thẩm.

Bà Cao Hương G là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà G không kháng cáo và đã có các bản tường trình chi tiết cũng như giao nộp đầy đủ các chứng cứ liên quan đến vụ án nên xét xử vắng mặt bà G theo quy định của tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách đương sự xét thấy: Nguyên đơn ông Cao Mạnh H, bà Trần Hồng T khởi kiện yêu cầu bà Trương Hồng Đ trả khoản nợ 2 tỷ đồng theo giấy Biên nhận ghi ngày 27/7/2022 và khoản nợ 1,5 tỷ đồng theo Giấy cam kết (thay cho giấy vay tiền) ghi ngày 22/5/2022. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì cả hai khoản tiền trên đều là tiền bà Trương Hồng Đ nhờ bà Cao Hương G hỏi vay của vợ chồng ông Cao Mạnh H, bà Trần Hồng T. Ông H, bà T giao tiền cho bà G trực tiếp chuyển cho bà Đ nên cấp sơ thẩm xác định ông H, bà T là nguyên đơn, bà Đ là bị đơn, bà G là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng. Các khoản tiền này đều là do bà Đ trực tiếp vay và ký nhận nợ với vợ chồng ông H bà T.

Cả hai khoản tiền ông H, bà T kiện đòi trong vụ án này đều do bà Đ quen bà G nên nhờ bà G hỏi vay ông H, bà T và ông H, bà T giao cho bà G chuyển cho bà Đ vay nên nay ông H, bà T ủy quyền cho bà G trực tiếp tham gia tố tụng hoặc ủy quyền cho người khác trực tiếp tham gia tố tụng để đòi lại. Tại cấp sơ

thẩm, ông H, bà T, bà G đã có văn bản khẳng định, ông H, bà T đưa tiền cho bà G chuyển cho bà Đ vay đã được chứng minh rõ bằng giấy vay tiền có chữ viết, chữ ký, có xác nhận rõ ràng của bà Đ và thực tế bà Đ đã nhận tin về việc nhận tiền, đã chuyển khoản trả lãi ghi rõ trả cho Cao Mạnh H. Bà G đã sao kê các khoản tiền chuyển cho bà Đ, chứng minh bà G thực hiện đúng yêu cầu của vợ chồng ông H, vợ chồng ông H không có yêu cầu, tranh chấp hay khúc mắc gì với bà G về số tiền đã đưa cho bà G chuyển cho bà Đ vay. Bà G cũng xác định số tiền ông H, bà T kiện đòi trong vụ án này là của vợ ông H, bà T, bà G không có tranh chấp. Do đó, bà G ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh T đại diện cho ông H, bà T trực tiếp tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, về tư cách tham gia tố tụng, cấp sơ thẩm xác định là chính xác.

Về thủ tục tố tụng, trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, bà Trương Hồng Đ đã yêu cầu được đối chất với bà Cao Hương G để làm rõ các chứng cứ về việc chuyển tiền, nhận tiền. Tòa án cấp sơ thẩm đã có Quyết định đối chất và hai lần triệu tập bà Cao Hương G đến Tòa án để tham gia đối chất nhưng bà G đã có đơn xin từ chối tham gia đối chất. Việc đối chất là hoạt động tố tụng của Tòa án trong việc thu thập chứng cứ và đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện. Việc tham gia đối chất là một trong những quyền và nghĩa vụ chứng minh của đương sự trong vụ án. Việc Tòa án triệu tập đối chất nhưng bà G từ chối đồng nghĩa với việc bà G từ chối cung cấp chứng cứ với hoạt động này. Tòa án sẽ căn cứ vào các chứng cứ khác để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng.

Đối với yêu cầu của bà Đ sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử về việc đối chất với nhân chứng Nguyễn Tuấn S đã được Tòa án cấp sơ thẩm hoãn phiên tòa để mời ông S đến trực tiếp tham gia phiên tòa thực hiện nghĩa vụ của người làm chứng là cung cấp những nội dung ông S biết và đối chất với bà Đ tại phiên tòa. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thu thập chứng cứ để làm rõ sự thật khách quan của vụ án nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[3.1] Về nội dung vụ án:

Ông H, bà T yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Hồng Đ phải trả cho vợ chồng ông H số tiền vay gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) theo giấy vay với ông Cao Mạnh H ngày 27/7/2022 và lãi suất theo quy định pháp luật 20%/năm từ ngày 27/7/2022 đến ngày xét xử vụ án. Nguyên đơn đồng ý trừ đi tiền lãi mà bà Đ đã trả là 200.000.000đ.

Yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với toàn bộ nội dung thỏa thuận tại Giấy cam kết (thay cho giấy vay tiền) ghi ngày 22/5/2022 giữa bà Trương Hồng Đ với bà Trần Hồng T. Buộc bà Đ trả số tiền gốc 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 22/5/2022 tạm tính đến ngày 22/6/2023 là 161.666.667đ.

[3.2] Về yêu cầu kháng cáo:

Ngày 01/10/2023 nguyên đơn ông Cao Mạnh H và bà Trần Hồng T kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Hồng Đ trả lãi cho vợ chồng ông, bà số tiền gốc là 1.500.000.000đ mà bà Đ đã ký thỏa thuận với bà Trần Hồng T ngày 22/5/2022. Buộc bà Đ trả số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/ năm kể từ ngày 22/5/2022.

Ngày 29/9/2023 bị đơn Trương Hồng Đ kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 22/02/2024 Tòa án nhận đơn trình bày và đề nghị là kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Yêu cầu tính lãi 10%/năm số tiền vay 1.500.000.000 đồng từ ngày 22/5/2022 đến ngày xét xử là 223.324.000 đồng:

Vì giao dịch tại thỏa thuận ngày 22/5/2022 giữa bà Đ và bà T vô hiệu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do các bên đều có lỗi ngang nhau, bà T không chứng minh được có thiệt hại nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường. Do vậy, việc bà T yêu cầu bà Đ phải trả lãi cho khoản vay này là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Do ông H, bà T là vợ chồng, số tiền cho bà Đ vay là tài sản chung của vợ chồng nên cần buộc bà Đ có trách nhiệm trả nợ chung cho ông H, bà T là phù hợp pháp luật.

Tổng cộng bà Trương Hồng Đ phải trả cho bà Trần Hồng T và ông Cao Mạnh H số tiền 2.000.000.000đ + 1.500.000.000đ = 3.500.000.000đ (nợ gốc) và 256.661.000đ (nợ lãi), tổng cộng là 3.756.661.000 đồng nợ gốc và nợ lãi.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trương Hồng Đ:

Đối với kháng cáo của bị đơn bà Trương Hồng Đ yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy:

Đối với khoản tiền bà Đ nhờ bà G vay của ông H 2 tỷ đồng đã được bà G chuyển cho bà Đ vào tài khoản của bà Đ đầy đủ. Cụ thể:

- Ngày 17/7/2022 số tiền 499.999.999đ nội dung: HUONG G CK HONG D (làm tròn 500.000.000đ) – TK NAM A BANK của bà G (Bút lục 99)

- Ngày 28/7/2022 bà G chuyển 2 lần tổng cộng: 550.000.000đ (300.000.000đ và 250.000.000đ) nội dung: HUONG G CK HONG D qua tài khoản NAM A BANK của bà G (Bút lục 98)

- Cùng ngày 28/7/2022 chuyển 2 lần tổng cộng: 949.999.999đ. Làm tròn 950.000.000đ (499.999.999đ và 450.000.000đ) nội dung: G CK HONG D bằng tài khoản ACB của bà G (Bút lục 108)

Sau khi nhận tiền, bà Đ đã trả cho ông H 05 tháng tiền lãi tổng cộng là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) thông qua tài khoản SHB của bà G theo mức lãi 2%/tháng và có ghi rõ nội dung. Cụ thể:

- Ngày 27/10/2022 trả 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) là tiền lãi của 3 tháng (8,9,10/2022) nội dung – Đ chuyển tiền lãi của ha 3 tháng 120 triệu - tài khoản SHB của bà G (Bút lục88)

- Ngày 28/11/2022 trả 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) là tiền lãi của tháng 11/2022 nội dung: D chuyển dòng lãi cho ha - vào tài khoản ACB của bà G (Bút lục101)

- Ngày 27/12/2022 trả 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) là tiền lãi của tháng 12/2022 nội dung: D chuyển gửi tiền cho ha – vào tài khoản SHB của bà G (Bút lục88)

Đối với khoản vay 1,5 tỷ theo Giấy cam kết (thay cho giấy vay tiền) lập ngày 22/5/2022:

Theo bà G và ông T khẳng định, khoản tiền này cũng không phải bà Đ vay một lần mà vay nhiều lần trước đó bao gồm cả tiền mặt và chuyển khoản. Do mượn nhiều lần cộng dồn lại thành khoản tiền đã lớn mà bà Đ không có gì bảo đảm nên đến ngày 22/5/2022 bà Đ hỏi mượn thêm, ông H không đồng ý nên các bên đã ngồi cộng lại và bà Đ đề nghị vay thêm 350.000.000đ cho tròn 1,5 tỷ đồng rồi làm giấy cam kết khi đòi được đất của bà K sẽ bán lại đất cho vợ chồng ông H, bà T để đảm bảo cho các khoản tiền này. Ông H, bà T thương tình và cũng vì nể bà G nên lại đồng ý cho bà Đ vay tiếp và đồng ý sau khi bà Đ cam kết thì bà G sẽ chuyển cho bà Đ 350.000.000đ.

Số tiền bà G chuyển bà Đ đã được bà G cung cấp chứng cứ cụ thể:

- Ngày 04/5/2022 - G chuyển bà Đ - 330.000.000đ (Bút lục 116)
- Ngày 11/5/2022 – G chuyển bà Đ - 350.000.000đ (Bút lục 115)
- Ngày 13/5/2022 – G chuyển bà Đ - 14.000.000đ (Bút lục 115)
- Ngày 16/5/2022 - G chuyển bà Đ 3 lần gồm: lúc 10g38p = 50.000.000đ; lúc 14g21p = 100.000.000đ; lúc 16g16p= 1.500.000đ. (Bút lục 114-115)
- Ngày 18/5/2022 bà G chuyển bà Đ 139.000.000đ (Bút lục 114)
- Ngày 23/5/2022, bà G chuyển bà Đ 350.000.000đ (Bút lục 114)

Tổng cộng: 1.334.500.000đ.

Ngày 12/5/2022 bà Đ có trả bớt 200.000.000đ tiền vay nội dung: D chuyển (Bút lục 115)

Trừ đi khoản này thì tổng tiền bà G đã chuyển cho bà Đ qua số tài khoản là: 1.334.500.000đ -200.000.000đ (trả bớt) =1.134.500.000đ.

Toàn bộ số tiền trên đều chuyển khoản cho bà Đ qua tài khoản ngân hàng ACB của bà G:

Trước đó, vào ngày 17/5/2022, bà G còn đưa cho bà Đ hai lần tiền mặt, tổng số tiền là 365.500.000đ. Bà G khẳng định: Số tiền này là bà Đ khi hỏi vay nói đi lấy Quyết định ở Tòa án huyện T trong vụ tranh chấp đất với bà C (Quyết định số 08/2022/QĐST – DS ngày 14/4/2022). Bà Đ nói là để nộp cho Tòa án và Thi hành án gì đó, bà G không biết cụ thể. Nhưng do bà Đ nói cần tiền mặt nên bà G đã đưa tiền mặt cho bà Đ). Điều này phù hợp với nội dung Giấy cam kết (thay cho giấy vay tiền) lập ngày 22/5/2022 bà Đ đã ký và ghi rõ “đã nhận đủ tiền” và lời khẳng định của nhân chứng Nguyễn Tuấn S tại phiên tòa sơ thẩm (nhân chứng do bà Đ yêu cầu).

Qua các chứng cứ do bà G giao nộp thể hiện: Bà Đ là người thận trọng, chi tiết khi ký giấy tờ và chuyển tiền bà đều ghi rất rõ ràng nội dung. Hầu hết các khoản tiền khi chuyển cho bà G, bà Đ đều ghi rất rõ nội dung như “Chuyển thanh toán tiền nhà”; “chuyển tiền hôm bữa em mượn giùm”, “Đ chuyển tiền lại của ha 3 tháng 120 triệu” ...

Ngoài các khoản tiền vay theo giấy nợ đã ký với ông H, bà T nêu trên thì chứng cứ là các bản sao kê tài khoản ngân hàng của bà G giao nộp còn thể hiện, từ đầu năm 2022 đến khoảng tháng 10/2022, bà G liên tục chuyển tiền cho bà Đ và khi bà Đ chuyển tiền cho bà G thì đều có ghi “chuyen tra no G” ; “chuyen tra tien hom bua em muon giùm” ; “chuyen tra lai khoan vay 300 tr”... Tổng số tiền bà G còn chuyển cho bà Đ vay và vay giùm cho bà Đ qua ba tài khoản ngân hàng của bà G là 2.858.759.998đ (hai tỷ tám trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng) và bà Đ chuyển cho bà G tổng cộng 4.467.100.000đ (Bốn tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng). Trong đó, có 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) chuyển ngày 21/4/2022 và 01/7/2022 qua ngân hàng SHB là khoản tiền thanh toán tiền nhà do bà Đ mua lại căn nhà của bà G. Có nghĩa trừ đi số tiền bà Đ trả tiền nhà cho bà G thì bà Đ mới chuyển cho bà G 2.467.100.000đ (hai tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng) trên tổng số đã nhận 2.858.759.998đ (hai tỷ tám trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng). Vậy, tổng số tiền bà G chuyển cho bà Đ không tính số tiền 3.500.000.000đ (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) ông H, bà T cho bà Đ vay thì số tiền bà G chuyển cho bà Đ vẫn lớn hơn số tiền bà Đ chuyển trả bà G. Mặt khác, các khoản tiền bà Đ chuyển trả bà G là trước khi bà Đ ký giấy vay 2 tỷ đồng hoặc sau khi ký thì cũng không thể hiện là trả vào gốc của khoản 2 tỷ đồng, bởi đến tháng 12/2022 bà Đ vẫn chuyển trả đủ lãi và ghi rõ lãi của khoản 2 tỷ đồng theo mức lãi thỏa thuận 2%/tháng nên việc bà Đ cho rằng đã chuyển trả cho bà G xong tiền gốc cho ông H là không có căn cứ. Việc bà Đ khai bà vẫn trả lãi cho bà G là do bà G yêu cầu bà Đ chuyển khoản để tạo lòng tin với ông H là không hợp lý, không có cơ sở.

Khoản tiền 1,5 tỷ bà Đ ký giấy cam kết với bà T, bà Đ không đưa ra được chứng cứ về việc trả nợ cho khoản tiền này. Tại biên bản làm việc ngày 05/4/2022 tại Tòa án nhân dân huyện T, bà Đ cũng khẳng định “liên quan đến vụ án khác mà bà đang tranh chấp nên phải chờ Tòa án giải quyết xong thì tôi mới tính toán trả nợ” (Bút lục 53,54).

Như vậy, kháng cáo của bà Đ cho rằng đã chuyển tiền cho bà G trả hết nợ cho ông H, bà T là không có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận.

Về quyết định của án sơ thẩm giải quyết tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu thì các đương sự không kháng cáo nên giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, nhận thấy cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp và đúng quy định pháp luật, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Hồng T, ông Cao Mạnh H, bị đơn bà Trương Hồng Đ.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Trần Hồng T, ông Cao Mạnh H, bị đơn bà Trương Hồng Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 68, 147, 157, 161, 227, 228, 244, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 131, 408, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Mạnh H, bà Trần Hồng T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu*” đối với bà Trương Hồng Đ.

1. Tuyên bố toàn bộ nội dung thỏa thuận tại Giấy cam kết (thay cho giấy vay tiền) ngày 22/5/2022 giữa bà Trương Hồng Đ với bà Trần Hồng T vô hiệu.

2. Xử: Buộc bà Trương Hồng Đ phải trả cho ông Cao Mạnh H, bà Trần Hồng T tổng số tiền 3.756.661.000đ (ba tỷ, bảy trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T về việc tính lãi 223.342.000 đồng đối với số tiền 1.500.000.000 đồng theo thỏa thuận ngày 22/5/2022.

4. Về án phí:

- Ông Cao Mạnh H, bà Trần Hồng T phải chịu 11.167.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 53.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008461 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoàn trả ông H, bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.533.000 đồng.

Ông H, bà T mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001968 ngày 09/10/2023 và 300.000đ theo biên lai thu số 0001909 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Ông H, bà T đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Trương Hồng Đ phải chịu 107.133.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001907 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Bà Đ đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai (1);
- TAND H.Nhon Trạch (2);
- Chi cục THADS H.Nhon Trạch (1);
- Dương sự (3);
- Lưu (7).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Xuân Đào